

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 1/1/2021 đến 31/3/2021

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	07 - 08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên độc lập
Ông Sang Ho Jung	Thành viên độc lập

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/03/2021)
Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2021)
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

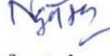
(tiếp theo)

chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Nguyễn Ngọc Thủy 
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.671.759.817.478	1.372.652.372.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		416.177.819.865	203.396.080.603
1. Tiền	111	V.1.	314.177.819.865	101.396.080.603
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.000.000.000	102.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.119.635.764.771	1.080.747.817.615
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	57.576.017.155	29.775.232.146
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	71.600.255.163	107.266.361.719
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.	59.415.000.000	69.890.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	931.144.592.453	873.916.323.750
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(100.100.000)	(100.100.000)
IV. Hàng tồn kho	140		50.987.574.660	52.639.061.226
1. Hàng tồn kho	141	V.6.	50.987.574.660	52.639.061.226
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		84.958.658.182	35.869.412.696
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	84.732.688.791	35.752.658.095
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		225.969.391	115.754.601
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.12.	-	1.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.793.541.699.123	1.907.169.245.770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		94.183.573.318	95.249.273.318
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	94.183.573.318	95.249.273.318
II. Tài sản cố định	220		929.106.175.645	971.068.130.574
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	524.744.497.277	539.403.406.581
- Nguyên giá	222		769.795.152.877	755.758.170.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(245.050.655.600)	(216.354.763.695)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10.	404.361.678.368	431.664.723.993
- Nguyên giá	228		449.001.902.085	473.251.657.562
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.640.223.717)	(41.586.933.569)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7.	31.480.299.251	45.391.960.547
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		31.480.299.251	45.391.960.547
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	114.000.000	114.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239.100.000	239.100.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(125.100.000)	(125.100.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		738.657.650.909	795.345.881.331
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	384.444.216.190	426.772.442.501
2. Lợi thế thương mại	269	V.9.	354.213.434.719	368.573.438.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.465.301.516.601	3.279.821.617.910

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.411.358.273.898	2.228.328.234.959
I. Nợ ngắn hạn	310		1.532.357.988.516	1.713.857.227.675
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	83.124.822.728	150.899.958.296
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	123.889.560.632	227.236.009.886
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12.	132.595.520.738	119.737.114.946
4. Phải trả người lao động	314		26.604.045.660	87.844.441.341
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	153.115.066.374	134.930.105.995
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14.	340.532.053.306	304.207.007.953
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	97.550.527.501	83.120.116.913
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.	574.946.391.577	605.882.472.345
II. Nợ dài hạn	330		879.000.285.382	514.471.007.284
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.11.	1.709.870.000	1.709.870.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14.	24.387.154.574	35.227.477.141
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.	852.903.260.808	476.520.630.879
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			1.013.029.264
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.053.943.242.703	1.051.493.382.951
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	1.053.943.242.703	1.051.493.382.951
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		815.897.350.000	815.897.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		815.897.350.000	815.897.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.585.073.145	2.358.204.908
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.358.204.908	(124.756.931.761)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		226.868.237	127.115.136.669
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		235.460.819.558	233.237.828.043
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.465.301.516.601	3.279.821.617.910

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị *Nguyễn*

Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

Mẫu B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q1/2021	Q1/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	466.771.849.985	242.452.591.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		466.771.849.985	242.452.591.947
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	322.793.902.559	243.740.196.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		143.977.947.426	(1.287.604.731)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.889.252.714	448.014.833
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.770.413.561	14.775.200.833
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.827.649.672	14.370.434.712
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	87.723.517.488	106.350.981.471
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.534.669.370	47.383.965.907
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.838.599.721	(169.349.738.109)
12. Thu nhập khác	31	VI.5	1.071.121.051	547.018.090
13. Chi phí khác	32	VI.6	4.074.078.291	1.472.370.659
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.002.957.240)	(925.352.569)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.835.642.481	(170.275.090.678)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.385.782.729	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.449.859.752	(170.275.090.678)

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Q1/2021	Q1/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		4.835.642.481	(170.275.090.678)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		68.912.152.566	27.404.293.159
-	Các khoản dự phòng	03		-	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
-	Chi phí lãi vay	06		25.548.492.524	14.370.434.712
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		99.296.287.571	(128.500.362.807)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.781.769.599	(251.276.353.505)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.651.486.566	(1.278.174.789)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(143.218.520.579)	28.121.239.927
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.651.804.385)	(39.784.945.130)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(8.941.972.383)	(14.604.946.789)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.982.000.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45.064.753.611)	(407.323.543.093)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(88.417.151.867)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.071.121.051	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26			234.900.000
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.071.121.051	(88.182.251.867)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ đi vay	33		524.792.250.034	242.903.681.730
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(268.016.878.212)	(132.511.908.039)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		256.775.371.822	110.391.773.691

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
(tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Q1/2021	Q1/2020
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		212.781.739.262	(385.114.021.269)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		203.396.080.603	530.223.506.719
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	416.177.819.865	145.109.485.456

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị *Nguyễn Ngọc Thủy*



Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 ngày 19/03/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 0105824156 ngày 31/03/2021 về thay đổi người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của Công ty là **815.897.350.000 VND** (Tám trăm mười lăm tỷ, tám trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là IBC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư, giáo dục đào tạo ngoại ngữ, trường mầm non.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động giáo dục đào tạo ngoại ngữ, trường mầm non.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1/1/2021 đến 31/3/2021 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ
1. Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Số 149 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Giáo dục khác chưa phân vào đâu	79,69%	79,69%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

2. Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten	Tầng 10, số 14 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục mầm non	87,45%	87,45%
3. Công ty Cổ phần English Now Global	Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục khác chưa phân vào đầu	51,00%	51,00%
4. Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục tiểu học	51,00%	51,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua công ty con hoặc mua các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một tài sản khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá gốc của lợi thế thương mại phát sinh là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua thêm phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax và được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Tại ngày 31/3/2021, Công ty không có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần trích lập dự phòng.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại ngày 31/03/2021, Công ty không có công nợ quá hạn cần trích lập dự phòng phải thu.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho là bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng tồn kho bất động sản bao gồm: chi phí tiền sử dụng đất và các chi phí phát triển đất, chi phí xây

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

dựng phải trả cho nhà thầu, chi phí lãi vay, chi phí tư vấn thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại 31/03/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**8.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 25
Phương tiện vận tải	10
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Phần mềm máy tính và Bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

Bản quyền chương trình đào tạo tiếng Anh

Nguyên giá của nhãn hiệu, bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chương trình giảng dạy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Dự án xây dựng phát triển các sản phẩm hỗ trợ là toàn bộ chi phí chi ra có liên quan trực tiếp tới dự án bao gồm: Chi phí viết Bộ chương trình giảng dạy,... tại hệ thống trường mầm non trực thuộc Công ty. Chi phí tư vấn và giải mã gen tìm hiểu những khả năng tiềm ẩn, những thiên hướng đặc biệt của trẻ qua đó xây dựng phương pháp giáo dục và nuôi dưỡng phù hợp. Chi phí chuyên gia nước ngoài tư vấn, thẩm định, hỗ trợ chương trình. Dự án được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng Dự án Co-Learning, Dự án Trường liên cấp Firbank Australia và một số dự án khác chưa hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tập hợp chi phí của các dự án được thực hiện theo các trung tâm hình thành trong tương lai.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leaders, chi phí triển khai chương trình dự án 7 habits of highly effective, chi phí thuê địa điểm kinh doanh, chi phí thành lập doanh nghiệp chờ phân bổ, chi phí ghi danh học sinh, chi phí xây dựng các điểm trường, chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí chờ phân bổ khác.

Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leaders: Chi phí đầu tư của các trung tâm trong giai đoạn đầu tư không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí triển khai chương trình dự án 7 habits of highly effective: Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai chương trình 7 habits of highly effective, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh: Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo thời gian thuê thực tế theo thỏa thuận trên hợp đồng thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập doanh nghiệp, các trung tâm trước ngày đạt đủ điều kiện hoạt động và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày doanh nghiệp, các trung tâm chính thức đi vào hoạt động.

Chi phí xây dựng các điểm trường: Chi phí phát sinh cho việc phát triển dự án các điểm trường được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm kể từ khi có dự án chính thức đi vào hoạt động.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí khác bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí mua phần mềm,... Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Standard Chartered - chi nhánh Lê Đại Hành.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí lãi vay, trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm phải trả, trích trước chi phí ghi danh học sinh và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Chi phí lãi vay được trích trước căn cứ vào các Hợp đồng vay và các khế ước vay từng lần.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước tiền học phí của học sinh đã trả trước cho cả khóa học nhưng học sinh chưa hoàn thành khóa học, các khóa học có thời hạn một hoặc nhiều kỳ kế toán. Số tiền học phí học sinh đã trả trước được phân bổ và ghi nhận vào doanh thu từng kỳ theo thời gian học thực tế của từng học sinh.

Các khoản tiền thu trước học phí của học sinh nhưng học sinh chưa được bắt đầu học được phân loại sang khoản mục người mua trả tiền trước.

16. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (thiết bị hỗ trợ học tập) và doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn; doanh thu hoạt động giáo dục đào tạo.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi cho vay và thu cổ tức.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

20. Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức không chịu thuế GTGT đối với doanh thu từ hoạt động giáo dục đào tạo tiếng Anh, đào tạo mầm non; thuế suất 10% đối với doanh thu hoạt động tư vấn, doanh thu bán đồng phục học sinh và vận chuyển học sinh, ...

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**1. Tiền**

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt (i)	178.059.160.256	32.327.110.421
Tiền gửi ngân hàng	125.665.776.810	53.245.358.383
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán (ii)	475.516.799	475.516.799
Tiền đang chuyển (iii)	9.977.366.000	15.348.095.000
Các khoản tương đương tiền (iv)	102.000.000.000	102.000.000.000
Cộng	416.177.819.865	203.396.080.603

(i) Là số dư tiền mặt tại Văn phòng công ty mẹ, văn phòng các công ty con, các Trường mầm non của Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten và các trung tâm Anh ngữ Apax tại ngày 31/12/2020:

(ii) Là khoản tiền gửi tại tài khoản nhà đầu tư của Công ty chứng khoán, khoản tiền gửi có thể rút ra bất cứ thời điểm nào và hưởng lãi suất không kỳ hạn

(iii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản Công ty

(iv) Là các hợp đồng tiền gửi giữa Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	-	4.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Soya Garden	1.668.773.931	-	1.668.773.931	-
Công ty CP Công nghệ giáo dục Omni School	15.080.000.000	-	15.080.000.000	-
Các đối tượng khác	40.827.243.224	(100.100.000)	9.026.458.215	-
Cộng	57.576.017.155	(100.100.000)	29.775.232.146	(2.000.000.000)

b) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

3. Trả trước cho người bán

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thiết kế hạ tầng cơ sở	17.991.144.216	24.191.144.216
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN	1.532.289.906	39.203.020.840
Visang Education Inc	4.875.420.562	4.794.646.417

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Việt Quốc	1.562.979.050	1.482.979.050
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	20.396.020.496	22.782.941.361
Các đối tượng khác	25.242.400.933	14.811.629.835
Cộng	71.600.255.163	107.266.361.719

b) *Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***4. Phải thu về cho vay**

Đơn vị tính: VND

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Schoolbus (1)	-	-	4.440.000.000	-
Hoàng Hồng Trung (2)	29.800.000.000	-	32.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN (4)	18.300.000.000	-	18.300.000.000	-
Các đối tượng khác	11.315.000.000	-	15.150.000.000	-
Cộng	59.415.000.000	-	69.890.000.000	-

(1) Hợp đồng vay số 0111/2020 ngày 01/11/2020 với công ty TNHH Thương mại Vận tải Schoolbus, số tiền vay 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân (giải ngân theo từng đợt), lãi suất 8,5%/năm, toàn bộ số tiền vay và tiền lãi suất được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết hạn, mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh.

(2) Hợp đồng cho vay số 11-2020/HĐV/EN-KO ngày 17/12/2020 với số tiền cho vay là 32 tỷ đồng, lãi suất bằng với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm vay, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Hợp đồng cho vay số 12-2020/HĐV/EN-HT ngày 20/12/2020 với số tiền cho vay là 12 tỷ đồng, lãi suất bằng với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm vay, thời hạn cho vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(4) Theo biên bản thỏa thuận vay vốn số 0102/TT/RN-HN ngày 31/01/2020 với số tiền cho vay là 18,3 tỷ đồng, lãi suất 12%, thời hạn cho vay 12 tháng. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	931.144.592.453	-	873.916.323.750	-
Tạm ứng	27.444.674.615	-	5.409.977.280	-
Các đối tượng khác	27.444.674.615	-	5.409.977.280	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	720.541.051.037	-	738.748.051.037	-
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (1)	19.679.973.073	-	19.679.973.073	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty TNHH MTV Nam Phong (2)	473.400.000.000	-	473.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (3)	42.330.000.000	-	42.330.000.000	-
Nguyễn Ngọc Thùy (4)	102.976.997.500	-	121.183.997.500	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT (5)	60.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Nguyễn Duy Nhâm (6)	50.686.000.000	-	50.686.000.000	-
Các đối tượng khác	17.782.535.657	-	4.782.535.657	-
Phải thu khác	136.844.411.608	-	126.443.840.240	-
Nguyễn Ngọc Thùy (4)	53.197.904.709	-	45.692.133.341	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus	51.580.700.000	-	51.580.700.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool (9)	29.894.800.000	-	27.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN	2.171.006.899	-	2.171.006.899	-
b) Dài hạn	94.183.573.318	-	95.249.273.318	-
Cầm cổ, ký cược, ký quỹ	94.183.573.318	-	95.249.273.318	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	28.006.636.471	-	28.006.636.471	-
Công ty Cổ phần Nam	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	64.014.938.048	-	64.014.938.048	-
Các đối tượng khác	61.998.799	-	1.127.698.799	-
Cộng	1.025.328.165.771	-	969.165.597.068	-

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 03 đến 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân và Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng này.

(2) Khoản đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc số 102020/HĐĐC/AE-NP ngày 02/10/2020 về việc cùng hợp tác xây dựng, khai thác và phát triển Dự án Khu nhà ở và dịch vụ đa năng Vững Áng tại địa chỉ khu kinh tế Vững Áng, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, thời gian của khoản đặt cọc là 450 ngày.

(3) Khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng “phần dự án trường học” trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học tại số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 07/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 09/03/2021, trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ký thỏa thuận, Apax thông báo cho Terra Gold để thực hiện thủ tục nhận chuyển nhượng phần dự án Trường học.

(4) Là khoản đặt cọc và lãi đặt cọc mua cổ phần của Công ty CP Anh ngữ Apax theo thỏa thuận chuyển nhượng ngày 02/01/2020.

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

(5) Đặt cọc tại ngày 31/12/2019 cho Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT theo hợp đồng số HĐNT 01/2018 và Phụ lục tháng 12/2019 về việc thi công thiết kế nội thất cho 12 điểm trường mầm non của Công ty, tổng mức đầu tư của dự án là 108 tỷ đồng, thời gian thực hiện đến ngày 31/12/2020.

(6) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 0112/2020/HDDC ngày 01/12/2020 về việc mua lại phần vốn góp tại Công ty TNHH Phát triển giáo dục Việt Linh giữa Công ty CP Trường liên cấp Firbank (Bên A) và Bà Bùi Thị Dương cùng Ông Vũ Nguyên Long (Bên B). Theo thỏa thuận bên A đặt cọc cho bên B qua tài khoản cá nhân Nguyễn Duy Nhâm với giá trị là 60 tỷ đồng trong vòng 3 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này.

(7) Là khoản phải thu Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 31.12/2020/HĐCN-English Now ngày 31/12/2020 về việc Công ty CP Đầu tư Apax Holdings bán một phần vốn chủ sở hữu tại Công ty CP English Now Global.

(8) Là khoản phải thu khác từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2409/2019/HĐHT/APAX-NTXM với bà Nguyễn Thị Xuân Mai để thực hiện chuyển nhượng bất động sản tại các vị trí Trung Liệt, Cát Linh, Nghĩa Đô - TP. Hà Nội. Tại thời điểm 31/12/2020, Hợp đồng này đã dừng thực hiện.

(9) Khoản tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKDCHXD/2020 ngày 15/11/2020 với Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool để thực hiện hợp tác xây dựng, vận hành kinh doanh chuỗi trung tâm trải nghiệm Academy trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 05 năm kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

(10) Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn theo hợp đồng thuê các điểm trường mầm non và đặt cọc cho thuê trung tâm Tôn Đức Thắng và Lê Thanh Nghị theo Hợp đồng thuê nhà ngày 10/09/2019 và Hợp đồng thuê mặt bằng số 0811/2019 ngày 8/11/2019 cho Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup.

(11) Phần lớn là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn theo các hợp đồng thuê địa điểm tại các trung tâm.

c) **Phải thu khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2,503,792,829	-	2,570,624,709	-
Công cụ, dụng cụ	9,608,421,933	-	11,045,847,995	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,084,125,732	-	2,084,125,732	-
Hàng hoá (*)	36,791,234,166	-	36,938,462,790	-
Cộng	50,987,574,660	-	52,639,061,226	-

7. Tài sản dở dang dài hạn

31/03/2021

01/01/2021

VND

VND

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Dự án Apax Summer	21,809,377,007	-
Chi phí phát triển dự án các điểm trường Steame	608,062,916	608,062,916
Dự án Trường liên cấp Firbank Australia	8,251,023,415	8,251,023,415
Các dự án khác	811,835,913	36,532,874,216
Cộng	31,480,299,251	45,391,960,547

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. Chi phí trả trước

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	84.732.688.791	35.752.658.095
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	21.625.276.129	23.377.131.322
Chi phí bảo hiểm	86.395.799	97.920.522
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	359.460.045	421.070.960
Chi phí ghi danh học sinh	51.322.500.000	-
Chi phí trả trước khác	11.339.056.818	11.856.535.291
b) Dài hạn	384.444.216.190	426.772.442.501
Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leader	235.860.181.354	271.585.689.155
Chi phí triển khai chương trình 7 habits of highly effective	69.409.169.353	79.265.430.255
Chương trình Apax Online	23.354.459.162	26.273.766.560
Chi phí mua bản quyền phần mềm	107.190.731	179.329.424
Chi phí thành lập doanh nghiệp chờ phân bổ	3.332.469.421	6.015.032.553
Chi phí đầu tư tại các trường mầm non	16.933.804.894	19.107.977.368
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	3.760.618.352	4.897.128.326
Chi phí thi công nội thất các trung tâm	1.788.376.532	8.073.775.028
Chi phí thẻ nha khoa	2.343.333.330	2.589.999.998
Chi phí trả trước khác	27.554.613.061	8.784.313.834
Cộng	469.176.904.981	462.525.100.596

9. Lợi thế thương mại

	31/03/2021
	VND
Tại ngày đầu năm	368.573.438.830
Tăng trong năm	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(14.360.004.111)
Tại ngày cuối năm	354.213.434.719

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

10. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Chungdahm Learning, Inc	15.186.238.800	15.186.238.800	24.291.988.800	24.291.988.800

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ ca Thăng Long	1.994.855.409	1.994.855.409	8.555.144.591	8.555.144.591
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bộ Ba	120.657.098	120.657.098	6.120.657.098	6.120.657.098
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT	5.797.951.601	5.797.951.601	6.695.509.201	6.695.509.201
Công ty CP Quản lý tài sản Dzambala	1.302.917.400	1.302.917.400	1.302.917.400	1.302.917.400
Công ty TNHH KPMG	1.384.748.200	1.384.748.200	1.384.748.200	1.384.748.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	1.391.834.800	1.391.834.800	1.294.529.000	1.294.529.000
Các đối tượng khác	55.945.619.420	55.945.619.420	101.254.464.006	101.254.464.006
Cộng	83.124.822.728	83.124.822.728	150.899.958.296	150.899.958.296

b) *Phải trả người bán là các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**11. Người mua trả tiền trước**

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) <i>Ngắn hạn</i>	123.889.560.632	227.236.009.886
b) <i>Dài hạn</i>	1.709.870.000	1.709.870.000
Cộng	125.599.430.632	228.945.879.886

(*) Khoản người mua trả tiền trước phản ánh số tiền thu được của học sinh sau khi ký kết hợp đồng nhưng chưa đúng thời hạn học.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2021
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	2.636.490.951	5.302.185	325.000.000	2.316.793.136
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.469.737.967	2.385.782.729	2.982.000.000	29.873.520.696
Thuế thu nhập cá nhân	83.729.966.711	18.474.320.791	5.680.611.546	96.523.675.956
Các loại thuế khác	272.069.929	94.783.092	155.783.092	211.069.929
Phí, lệ phí và các khoản ph	2.628.849.388	1.062.611.633	21.000.000	3.670.461.021
Cộng	119.737.114.946	22.022.800.430	9.164.394.638	132.595.520.738
<i>Phải thu</i>				
Thuế GTGT	115.754.601	110.214.790	-	225.969.391
Các loại thuế khác	1.000.000	-	1.000.000	-
Cộng	116.754.601	110.214.790	1.000.000	225.969.391

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. Chi phí phải trả	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm	11,144,760,678	15,739,136,636
Trích trước chi phí ghi danh học sinh	31,345,236,258	35,680,439,720
Trích trước chi phí thuê địa điểm kinh doanh	22,774,831,748	4,741,386,463
Trích trước chi phí lãi vay	13,015,962,191	130,524,789
Lãi trái phiếu	3,584,452,055	3,584,452,055
Trích trước chi phí tài sản cố định phải trả	44,841,605,498	44,841,605,498
Trích trước chi phí khác	26,408,217,946	30,212,560,834
Cộng	153,115,066,374	134,930,105,995
14. Doanh thu chưa thực hiện	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>340,532,053,306</i>	<i>304,207,007,953</i>
Tiền học phí thu trước	340,532,053,306	304,207,007,953
<i>b) Dài hạn</i>	<i>24,387,154,574</i>	<i>35,227,477,141</i>
Tiền học phí thu trước	24,387,154,574	35,227,477,141
Cộng	364,919,207,880	339,434,485,094
15. Phải trả khác	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>97,550,527,501</i>	<i>83,120,116,913</i>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	71,858,837,814	55,213,935,296
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	426,030,000	128,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	25,265,659,687	27,778,181,617
Công ty cổ phần Anh ngữ Apax Academy	2,585,221,989	5,497,743,959
Công ty cổ phần Anh ngữ Apax Speedy	1,462,494,497	1,062,494,457
Chungdahm Learning, Inc	5,877,107,550	5,877,107,550
Các đối tượng khác	15,340,835,651	15,340,835,651
Cộng	97,550,527,501	83,120,116,913

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***16. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	574.946.391.577	574.946.391.577	237.080.797.444	268.016.878.212	605.882.472.345	605.882.472.345
Vay ngắn hạn	501.088.241.443	501.088.241.443	224.085.411.700	209.730.329.502	486.733.159.245	486.733.159.245
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	79.153.306.641	79.153.306.641	36.605.603.641	26.223.433.526	68.771.136.526	68.771.136.526
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	400.775.464.802	400.775.464.802	178.421.838.059	177.506.895.976	399.860.522.719	399.860.522.719
Ngân hàng chính sách xã hội Quận Ba Đình	1.057.970.000	1.057.970.000	1.057.970.000	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Studynet	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Trương thị Tâm	9.151.500.000	9.151.500.000	-	-	9.151.500.000	9.151.500.000
Đối tượng khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
Firbank vay Eduland	150.000.000	150.000.000	-	-	150.000.000	150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	73.858.150.134	73.858.150.134	12.995.385.744	58.286.548.710	119.149.313.100	119.149.313.100
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	81.311.498	81.311.498	-	30.491.802	111.803.300	111.803.300
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	67.976.928.720	67.976.928.720	12.995.385.744	58.256.056.908	113.237.599.884	113.237.599.884
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	5.799.909.916	5.799.909.916	-	-	5.799.909.916	5.799.909.916
b. Vay và nợ dài hạn	852.903.260.808	852.903.260.808	392.256.056.908	15.873.426.979	476.520.630.879	476.520.630.879
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	25.036.167.150	25.036.167.150	-	-	25.036.167.150	25.036.167.150
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	83.802.139.442	83.802.139.442	57.256.056.908	13.995.385.744	40.541.468.278	40.541.468.278
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công nghệ Thiên Việt	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu Igarten phát hành năm 31/12/2020	135.000.000.000	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu Apax English phát hành năm 2020	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	5.091.904.297	5.091.904.297	-	1.378.041.235	6.469.945.532	6.469.945.532
Trái phiếu Apax Holdings phát hành ngày 1.10.2020	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi của Apax Holdings phát hành ngày 11.6.2018	103.473.049.919	103.473.049.919	-	-	103.473.049.919	103.473.049.919

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư ngày 01/01/2020	815,897,350,000	65,976,720,000	(124,756,931,761)	757,117,138,239
Tăng vốn năm trước				-
Lãi trong năm trước			61,138,416,669	61,138,416,669
Tăng khác			65,976,720,000	65,976,720,000
Giảm khác		(65,976,720,000)		(65,976,720,000)
Số dư ngày 31/12/2020	815,897,350,000	-	2,358,204,908	818,255,554,908
Lãi trong kỳ	-	-	226,868,237	226,868,237
Tăng khác (*)	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-
Số dư ngày 31/03/2021	815,897,350,000	-	2,585,073,145	818,482,423,145

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	496,899,990,000	502,829,990,000
Các đối tượng khác	318,997,360,000	313,067,360,000
Cộng	815,897,350,000	815,897,350,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Q1/2021
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
Vốn góp đầu năm	815,897,350,000
Vốn góp tăng trong năm	-
Vốn góp giảm trong năm	-
Vốn góp cuối năm	815,897,350,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

d) Cổ phiếu

	31/03/2021
	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	81,589,735
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	81,589,735
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81,589,735
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81,589,735
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	81,589,735
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu	

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Q1/2021
	VND
a) Doanh thu	
Doanh thu bán hàng hóa	313,727,162
Doanh thu cung cấp dịch vụ	466,458,122,823
Doanh thu chương trình giảng dạy đã bán	-
Cộng	466,771,849,985

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Giá vốn hàng bán**

	Q1/2021
	VND
Giá vốn bán hàng hóa	248,975,107
Giá vốn cung cấp dịch vụ	322,544,927,452
Giá vốn chương trình giảng dạy đã bán	-
Cộng	322,793,902,559

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Q1/2021
	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	10.748.574.991
Lãi khoản đặt cọc cho ông Nguyễn Ngọc Thủy	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	140.677.723
Cộng	10.889.252.714

4. Chi phí tài chính

	Q1/2021
	VND
Chi phí lãi vay	25.827.649.672
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	153.875.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(500.000.000)
Chi phí tài chính khác	288.888.889
Cộng	25.770.413.561

5. Thu nhập khác

	Q1/2021
	VND
Thu về hợp tác bán sách	53.021.845
Xuất phần bản quyền sách	-
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	-
Thu nhập khác	1.018.099.206
Cộng	1.071.121.051

6. Chi phí khác

	Q1/2021
	VND
Chi về hợp tác bán sách	-
Chi phí sát nhập trung tâm	-
Chi phí hợp tác kinh doanh	-
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	3.779.617.673
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-
Khoản tiền đặt cọc không thu hồi được	-
Chi phí khác	294.460.618
Cộng	4.074.078.291

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,

số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	Q1/2021
	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	87,723,517,488
Chi phí nhân viên bán hàng	68,148,062,129
Chi phí vật liệu bao bì	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	913,076,686
Chi phí khấu hao TSCĐ	37,495,064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17,991,999,483
Chi phí bằng tiền khác	632,884,126
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	33,534,669,370
Chi phí nhân viên quản lý	16,213,454,833
Chi phí đồ dùng văn phòng	433,036,308
Chi phí khấu hao TSCĐ	686,430,271
Thuế, phí, lệ phí	3,000,000
Chi phí dự phòng	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,470,110,725
Lợi thế thương mại phân bổ	14,360,004,111
Chi phí bằng tiền khác	368,633,122
Tổng cộng	121,258,186,858

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Q1/2021
	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	2,385,782,729
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,385,782,729

9. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh chủ đạo của Công ty là cung cấp dịch vụ đào tạo tiếng Anh trên địa bàn toàn quốc và trong lãnh thổ Việt Nam. Theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không phát sinh doanh thu ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu bao gồm:

1. Dịch vụ đào tạo tại các Trung tâm tiếng Anh;
2. Đào tạo mẫu giáo;
3. Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng;
4. Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng và bán chương trình giảng dạy.

Trong đó, doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục (bao gồm đào tạo tại Trung tâm tiếng Anh và đào tạo mẫu giáo) chiếm 97,01%; doanh thu đến từ hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu khách hàng và doanh thu hoạt động kinh doanh khác lần lượt chiếm tỷ trọng 2,26% và 0,73% (nhỏ hơn 10%) tổng doanh thu. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

10. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, toà nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Phú

Chủ tịch Hội đồng quản trị 

Nguyễn Ngọc Thủy